

TÍN NGƯỠNG VỀ NHỮNG NGƯỜI LÍNH ĐÃ HY SINH TRÊN BIỂN VÀ TÂM THỨC VĂN HÓA BIỂN ĐẢO CỦA NGƯỜI VIỆT Ở VÙNG NAM TRUNG BỘ

*The belief of Vietnamese marine martyrs and the public consciousness of the
maritime culture in the South central coast of Vietnam*

ThS. Nguyễn Thị Hải Lê

Học viện Hải quân

TÓM TẮT

Tín ngưỡng về những người lính đã hy sinh trong quá trình xác lập, thực thi và bảo vệ chủ quyền biển đảo là một trong những tín ngưỡng đặc thù ở Nam Trung Bộ. Những biểu hiện cụ thể của tín ngưỡng này bắt đầu từ Lễ khao lễ thể lính Hoàng Sa năm xưa đến những di tích, nghi lễ nhằm tưởng nhớ, tri ân các liệt sĩ “Đoàn tàu Không số” – đường mòn Hồ Chí Minh trên biển trong kháng chiến chống Mỹ, những chiến sĩ đã hy sinh anh dũng trong sự kiện Gạc Ma để bảo vệ quần đảo Trường Sa (1988).v.v. Tín ngưỡng về những người lính đã hy sinh trên biển như một nét văn hoá biển rất đặc trưng của người Việt ở vùng biển đảo Nam Trung Bộ.

Từ khóa: Nam Trung Bộ, người lính hy sinh trên biển, tâm thức văn hóa biển, tín ngưỡng

ABSTRACT

The belief of Vietnamese martyrs in the process of establishing, enforcing, and protecting sovereignty over islands is one of the outstanding beliefs in the South Central Coast of Vietnam. The specific manifestations of the belief originated from “Hoang Sa Soldier Feast and Commemoration Festival” to the historic sites and relics showing the gratitude of the public towards the martyrs on the legendary “vessels with no numbers” famous for Ho Chi Minh Sea Trail in the Resistance War Against America as well as towards those who died heroically in the Battle of the Johnson South Reef (1988). Therefore, the belief of the marine martyrs is such a typical maritime cultural characteristic in the South Central Coast of Vietnam.

Keywords: South Central Coast, marine martyrs, marine cultural consciousness, belief

1. Đặt vấn đề

Nằm trong chuỗi những tín ngưỡng văn hoá liên quan đến biển, không thể không nhắc đến một hoạt động văn hoá tâm linh nổi bật, mang sắc thái riêng biệt của vùng biển đảo Nam Trung Bộ: tín ngưỡng về những người lính đã hy sinh

trên biển trong quá trình xác lập, thực thi và bảo vệ chủ quyền biển đảo. Cơ sở của tín ngưỡng này trước hết là điều kiện tự nhiên biển đảo, trong đó hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đóng vai trò quan trọng về kinh tế, an ninh – quốc phòng đã và đang là “điểm nóng” về tranh chấp chủ

quyền của nhiều quốc gia. Bên cạnh đó, yếu tố xã hội cùng với nhận thức về tầm quan trọng của biển đảo của Nhà nước và cư dân Việt trong nhiều thế kỷ như một truyền thống xuyên suốt chiều dài lịch sử văn hóa của đất nước nói chung, vùng Nam Trung Bộ nói riêng. Từ *Lễ khao lề thế lính Hoàng Sa* trên đảo Lý Sơn (Quảng Ngãi) đến những hoạt động tưởng niệm những chiến sĩ “Đoàn tàu không số” – đường mòn Hồ Chí Minh trên biển, đã hy sinh ở vùng biển Vũng Rô (Phú Yên), Hòn Hèo (Ninh Hòa, Khánh Hòa) trong kháng chiến chống Mỹ và 64 chiến sĩ đã hy sinh trên đảo Gạc Ma (quần đảo Trường Sa) năm 1988, những hoạt động tâm linh này đã gắn liền với đời sống văn hóa nói chung của quân và dân vùng biển đảo Nam Trung Bộ, thể hiện tâm thức văn hoá biển Việt Nam rõ nét, xuyên suốt nhiều thế kỷ và là một trong những minh chứng sâu sắc, góp phần khẳng định chủ quyền biển đảo.

2. Lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

Chúng tôi vận dụng các lý thuyết *chức năng luận* (Functionalism) của Malinowski, Radcliffé – Brown và *sinh thái văn hóa* của Julian Steward để nghiên cứu các vấn đề về tín ngưỡng của ngư dân và cư dân Nam Trung Bộ.

Lý thuyết của Malinowski nhấn mạnh đến chức năng tâm lý của nghi lễ. Ông cũng đưa ra nhận định là môi trường càng bất trắc và bấp bênh thì con người lại càng cần đến lễ nghi phù phép. Chúng tôi dựa trên lý thuyết *chức năng luận* để lý giải *Tín ngưỡng về những người lính hy sinh trên biển* ở Nam Trung Bộ bắt đầu từ chức năng tâm lý trong *Lễ khao lề thế lính Hoàng Sa* ở Lý Sơn, giải thích nhu cầu thực hiện các nghi lễ, phong tục và chức năng của tín ngưỡng trong đời sống văn hóa tinh thần

của người Việt ở vùng biển đảo vốn đầy bất trắc và bấp bênh.

Thuyết *sinh thái văn hóa* (cultural ecology) lý giải các sắp xếp của con người dựa trên sự thích nghi với môi trường sinh thái, là sự trải nghiệm của con người khi thích nghi với môi trường thiên nhiên cụ thể theo những cách khác nhau và sáng tạo nên những dạng thức văn hóa. Môi trường tự nhiên luôn luôn là yếu tố nền tảng của văn hóa. Đó chính là cơ sở đầu tiên và cũng là yếu tố nền tảng diễn ra sự tương đồng và khác biệt trong văn hóa của chính họ ở những vùng biển khác nhau. Lý thuyết Sinh thái văn hóa giúp chúng tôi tìm ra sự tương tác giữa yếu tố văn hóa và môi trường biển đảo, tìm ra đặc trưng văn hóa và lý giải sắc thái văn hóa biển đặc trưng của người Việt tại đây. Biển đảo cùng với tiềm năng và thách thức của nó, trong đó có thách thức về chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ trên biển, chính là nền tảng đầu tiên để các tín ngưỡng liên quan đến biển đảo và chủ quyền biển đảo trở thành những tín ngưỡng riêng biệt, đặc trưng ở Nam Trung Bộ.

Về phương pháp nghiên cứu, chúng tôi vận dụng tiếp cận *nghiên cứu liên ngành* (Interdisciplinary research) như một phương pháp chính. *Nghiên cứu liên ngành* ở đây là dựa trên các cứ liệu từ nhiều ngành khoa học như lịch sử dân tộc, lịch sử quân sự, nhân học, dân tộc học... để tìm hiểu, phân tích thông tin và hệ thống hóa để có những nhận định bước đầu về vấn đề nghiên cứu. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng vận dụng phương pháp *nghiên cứu định tính* (qualitative reseach) với các phương pháp và kỹ thuật thu thập thông tin cụ thể như nghiên cứu lời kể (narative reseach), quan sát - tham dự (participant and observation), phỏng vấn sâu (in – depth

interviewing), phỏng vấn hồi cố (oral history), ghi chép ở thực địa (fieldnotes), ghi âm, chụp hình ảnh.v.v. Kết quả nghiên cứu định tính sẽ là cơ sở quan trọng để nhận diện và phân tích về tín ngưỡng nói chung và tín ngưỡng về những người lính hy sinh trên biển ở Nam Trung Bộ nói riêng.

Để nghiên cứu định tính, chúng tôi đã thực hiện nhiều chuyến điền dã tại các địa phương thuộc 8 tỉnh/thành Nam Trung Bộ, trong đó có quần đảo Trường Sa.

3. Nội dung nghiên cứu

3.1. Khái niệm “Tín ngưỡng”

Khái niệm “Tín ngưỡng” (và cả tôn giáo) trong giới nghiên cứu trên thế giới và tại Việt Nam khá phức tạp, nhiều ý kiến không đồng nhất và hiện nay đang tồn tại nhiều định nghĩa khác nhau.

Quan điểm về tín ngưỡng, tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam tại các Hiến pháp, chủ trương, chính sách được đưa ra từ ngay khi thành lập Đảng (1930) và ngày một hoàn thiện. Gần đây, Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo (2004), Điều 3 ghi rõ: *“Hoạt động tín ngưỡng là hoạt động thể hiện sự tôn thờ tổ tiên, tưởng niệm và tôn vinh những người có công với nước, với cộng đồng, thờ cúng thần, thánh, biểu tượng có tính truyền thống và các hoạt động tín ngưỡng dân gian khác tiêu biểu cho những giá trị tốt đẹp về lịch sử, văn hóa, đạo đức xã hội...”* (Pháp lệnh số 21/2004/PL-UBTVQH11 ngày 18 tháng 6 năm 2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tín ngưỡng tôn giáo).

Tín ngưỡng về những người lính hy sinh trên biển Nam Trung Bộ là sự biết ơn, tưởng niệm, tôn vinh và thờ phụng những người có công với sự nghiệp xác lập và bảo vệ chủ quyền biển đảo, cùng với đó là sự thể hiện niềm tin của con người về những người anh hùng bất tử, về sự ứng linh, chở

che, phù hộ của họ cho sự bình yên của người đi biển và bình yên biển đảo.

3.2. Từ những câu chuyện bi tráng đến tín ngưỡng về những người lính hy sinh trên biển ở Nam Trung Bộ

Lễ khao lề thế lính Hoàng Sa, một hoạt động tín ngưỡng, nghi lễ có từ lâu đời của cư dân trên đảo Lý Sơn (Quảng Ngãi), có cội nguồn là sự ra đời của đội Hoàng Sa, được thiết lập từ thời chúa Nguyễn và sau này là triều Nguyễn. Đội Hoàng Sa ban đầu có nhiệm vụ thu lượm các sản vật từ các tàu đắm, đánh bắt hải sản quý trên vùng biển quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, xem xét, đo đạc hải trình.v.v. Về sau, đội Hoàng Sa kiêm quản luôn cả đội Bắc Hải - một tổ chức được lập ra sau đội Hoàng Sa vào khoảng trước năm 1776, thực hiện nhiệm vụ chủ yếu trên quần đảo Trường Sa, Côn Sơn và Hà Tiên. Những ngư dân này về sau được quân sự hoá, trở thành những “hùng binh” Hoàng Sa, sẵn sàng chiến đấu để bảo vệ tài nguyên trên đảo và bảo vệ đảo (Nguyễn Đăng Vũ, 2016, tr.34-35). Ban đầu, Lễ khao lề thế lính Hoàng Sa được các tộc họ tổ chức nhằm cầu an cho những người lính ra đi làm nhiệm vụ, bởi đó là một cuộc hành trình đầy thử thách với phương tiện là những chiếc ghe bầu thô sơ, trước muôn vàn hiểm nguy, sóng dữ, ra đi không hẹn ngày trở lại. Vì vậy, mỗi người đều mang theo 7 đòn tre, 7 sợi dây mây, chiếc thẻ bài bằng tre, một đôi chiếu... như những vật dụng để sẵn sàng cho sự hy sinh trên biển.

Các di tích ở Quảng Ngãi gắn với đội Hoàng Sa ngày nay còn thấy chủ yếu ở đảo Lý Sơn và cửa biển Sa Kỳ (xã Bình Châu). Tại thôn Sơn Tịnh (xã Bình Châu), có dấu tích Vườn Đồn – nơi lính Hoàng Sa đóng doanh trại, Miếu Hoàng Sa – nơi đội Hoàng Sa tế thần trước khi lên thuyền đi ra

đảo và đình làng An Vĩnh, nơi những binh phu Hoàng Sa ở xã An Vĩnh và đảo Cù Lao Ré tế tự trước khi xuất hành và tạ ơn khi trở về. Trên đảo Lý Sơn, có 5 cơ sở tín ngưỡng liên quan đến lính Hoàng Sa: Âm Linh tự (Lý Vĩnh) có đài tưởng niệm chiến sĩ trận vong, hàng năm đều có tế tự lính Hoàng Sa và những người bỏ mình trên biển; miếu thờ và mộ cai đội Phạm Quang Ảnh (trương truyền được phong Thượng đẳng thần); nhà thờ tộc họ Phạm có nhiều người đi lính Hoàng Sa, nay vẫn còn câu đối thể hiện chí khí và lòng trung thành của dòng họ vì đất nước: “Trung can huyền nhật nguyệt / Nghĩa khí quán càn khôn”; Dinh ông Thăm thờ cai đội Võ Văn Khiết (trương truyền ông cũng được phong Thượng đẳng thần); khu mộ gió, nghĩa địa dành cho lính Hoàng Sa. Vì họ đều chết trên biển trong quá trình thực thi nhiệm vụ nên đây chỉ là những ngôi mộ gió, nhưng trên mỗi ngôi mộ vẫn ghi tên tuổi những người lính Hoàng Sa năm xưa.

Lễ khao lễ thể lính Hoàng Sa của làng An Vĩnh (đảo Lý Sơn, Quảng Ngãi) là một nghi thức lễ nghi vừa “thế” cho người còn sống, chuẩn bị xuống thuyền ra đảo làm nhiệm vụ, vừa “tế” người đã chết khi thực thi nhiệm vụ không trở về. Nghi lễ diễn ra vào ngày 20/2 âm lịch hàng năm, là khi những người lính chuẩn bị xuống thuyền. Lễ tế chính được thực hiện vào nửa đêm ngày 19, sang ngày 20 nhưng việc cúng tế đã được bắt đầu từ ngày 17. Đặc biệt, trong lễ cúng này bắt buộc phải có các linh vị, thuyền lễ và hình nộm (Nguyễn Đăng Vũ, 2016, tr.34, 35).

Các linh vị được dán bằng giấy màu đỏ trên bìa cứng có nẹp gỗ hoặc tre phía sau, mang danh tánh những người lính đã tử nạn trong những đợt đi lính Hoàng Sa trước, được cắm trên những đài chuối cây,

đặt trên đàn cúng và được đốt sau khi thầy pháp khấn cầu Bà Thủy Long cùng các thủy thần trả linh hồn người chết về với tổ tiên. Thuyền lễ được làm bằng tre và dán giấy ngũ sắc, có buồm, cờ, phướn giống như thuyền buồm dùng để đi Hoàng Sa, Trường Sa, đặt trên ba cây chuối dài khoảng 1,5 – 2m đóng bè. Hình nhân được làm bằng bột gạo, rom hoặc giấy, không đầu, đội nón gõ, áo kẹp nẹp do pháp sư trực tiếp nặn trong một khu vực riêng. Thầy pháp làm lễ cúng tế và nghi thức bùa phép trước bàn thờ để gửi tên tuổi và linh hồn người sống (người chuẩn bị đi biển làm nhiệm vụ vua giao) vào hình nhân và đưa toàn bộ lễ vật, hình nhân lên thuyền lễ, thực hiện lễ tiễn đưa, thả thuyền lễ xuống biển. Lễ tế kết thúc vào khoảng 3 giờ sáng ngày 20 (Nguyễn Đăng Vũ, 2016, tr.35, 36).

Từ nghi lễ dòng họ đến lễ hội quốc gia, lễ tục này ngày nay không còn mang ý nghĩa thế mạng, chỉ còn là lễ tế lính Hoàng Sa như một sự tưởng nhớ, tri ân những người đã xả thân, hy sinh xương máu vì sự nghiệp xác lập, thực thi và bảo vệ chủ quyền biển đảo.

Đường Hồ Chí Minh trên biển, trong những năm kháng chiến chống Mỹ, không những đã góp phần quan trọng cho chiến thắng 1975 giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước mà còn dệt thêm những mảng màu văn hóa biển đậm nét, như một câu chuyện huyền thoại về một nền văn hóa quân sự trên biển của người Việt trong lịch sử. Trên những chuyến tàu vận tải “không số” ấy, thủy thủ đoàn là những chiến sĩ giàu bản lĩnh, vừa dũng cảm, mưu trí, sáng tạo, tuyệt đối trung thành như một cầm tù quân, vừa giàu kinh nghiệm đi biển, hiểu và đặc biệt thông thạo địa hình, nắm chắc kỹ lưỡng cách bố phòng trên mặt biển

của đối phương đề lên kế hoạch, đề ra phương án tác chiến hợp lý, sát hợp tình hình đã đóng vai trò vô cùng quan trọng đối với sự thành bại của những chuyến tàu chở hàng vào Nam (Cục Chính trị Hải quân, 1996, tr.11, 12).

Vận tải trên biển có những đặc thù khác biệt và khó khăn hơn rất nhiều so với việc vận tải trên bộ do điều kiện thời tiết trên biển khắc nghiệt, địa bàn Biển Đông lại vô cùng phức tạp, trong khi đó, hệ thống bố phòng trên biển của đối phương rất mạnh. Tuy nhiên, những chuyến tàu nhỏ, thô sơ của một đội quân còn non trẻ thoát ần, thoát hiện đã làm nên lịch sử. Đó được coi là một thành công lớn - một kỳ tích phi thường, góp phần quan trọng làm nên chiến thắng vĩ đại của dân tộc Việt Nam. Các chuyên gia quân sự Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng hòa từng phân tích và cho rằng, một trong những nguyên nhân của kỳ tích này chính là sự hiểu biết tượng tặn về biển, kinh nghiệm đi biển dày dặn của thủy thủ.

Đỗ Hữu Chí - Phó Đô đốc Hải quân Việt Nam Cộng hòa trong cuốn *“Một số quan điểm chiến lược để bảo vệ duyên hải Việt Nam Cộng hòa”* từng nhận định: “Trên thực tế, đối phương sử dụng biển khơi một cách thành thạo, mà cuộc di hành vào điểm đến càng tỏ ra đặc sắc hơn, làm kinh ngạc không ít chuyên viên đi biển.v.v. Trên phương diện quân sự, Bắc Việt đã biết khai thác biển khơi một cách thực tiễn hơn ta” (Cục Chính trị Hải quân, 1996, tr.13-14).

Trong những chiến công mà Đoàn tàu Không số và những con người trên những con tàu ấy dành được, còn có không ít những mất mát, hy sinh, thậm chí có những sự hy sinh vô cùng dũng cảm, đầy chất bi tráng, trở thành biểu tượng văn hóa bảo vệ

chủ quyền biển Việt Nam. Trên vùng biển Nam Trung Bộ, một chặng đường dài nối liền điểm khởi hành phía Bắc và điểm đến phía Nam, vịnh Vũng Rô (Phú Yên) được chọn là một trong những bến tiếp nhận vũ khí từ những con tàu không số từ miền Bắc trực tiếp chi viện cho chiến trường miền Nam bằng đường biển. Vũng Rô trở thành sự kiện lịch sử sau khi chuyến tàu thứ tư mang số hiệu 143 cập bến bị địch phát hiện, tấn công. Cán bộ, chiến sĩ trên bến và dưới tàu anh dũng chiến đấu, nhiều người đã hy sinh. Vũng Rô được công nhận là Di tích lịch sử cấp quốc gia, tại đây Quân chủng Hải quân đã quyết định xây dựng Bia di tích bến Vũng Rô cùng với ba bến khác ở miền Nam (Cục Chính trị Hải quân, 2001, tr. 27, 30).

Di tích lịch sử Hòn Hèo là tên chỉ vùng biển và dãy núi chạy qua hai xã Ninh Phước, Ninh Vân thuộc tỉnh Khánh Hòa, cách Nha Trang khoảng hơn chục cây số đường biển. Nơi đây, thuyền trưởng Nguyễn Phan Vinh và đồng đội đã hy sinh cùng con tàu 235 vào các ngày 29/2 và 1/3 năm 1968 khi bị đối phương phát hiện. Máy bay trinh sát của Mỹ dõi theo và 03 tàu chiến của hải quân Việt Nam Cộng hòa lập tức bao vây với ý định bắt sống tàu 235 của hải quân nhân dân Việt Nam. Nguyễn Phan Vinh luồn lách qua đội hình tàu địch và ngừng việc thả hàng, xuôi ven bờ xuống Ninh Vân (Ninh Hòa, Khánh Hòa). Trong tình thế khó khăn, bị 7 tàu địch chặn lối ra, tàu 235 bị địch bắn, cuối cùng 14 người hy sinh anh dũng ở Hòn Hèo (Ninh Vân, Ninh Hòa, Khánh Hòa), trong đó có thuyền trưởng Nguyễn Phan Vinh (Cục Chính trị Hải quân, 1996, tr.34-35).

Về sự kiện này, Tạp chí *Lướt sóng* của Hải quân quân đội Sài Gòn viết: *“Mười hai chiến hạm và hàng chục hải thuyền của*

Hoa Kỳ cùng quân lực Việt Nam cộng hòa có phi cơ yểm trợ, đựng độ ác liệt với một tiểu đoàn Việt Cộng (thực chất chỉ có 20 thủy thủ) gan góc và thiện chiến trên con tàu chở vũ khí từ Bắc Việt thâm nhập và tiếp tế cho mặt trận giải phóng. Họ đã nổ súng đến viên đạn cuối cùng, đến người cuối cùng và hy sinh với con tàu bằng khối lượng hàng tấn bộc phá do chính tay họ tự hủy, không để lại một dấu vết” (Dẫn theo Bùi Thị Hương, 2017).

Tháng 8/1970, thuyền trưởng Nguyễn Phan Vinh được tuyên dương Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Tháng 4 năm 1978, đảo Hòn Sập thuộc huyện đảo Trường Sa, tỉnh Khánh Hòa được đổi tên thành đảo Phan Vinh. Năm 1993, nhân dân địa phương và bộ đội thuộc Lữ đoàn 125 đã xây dựng bia tưởng niệm cán bộ, chiến sĩ Tàu C235. Tháng 4/2014, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch đã xếp hạng địa điểm lưu niệm sự kiện Tàu C235 là Di tích lịch sử cấp quốc gia.

Các hoạt động tưởng niệm chiến sĩ Đoàn tàu Không số hy sinh nói chung, đặc biệt ở hai sự kiện trên nói riêng, được tổ chức đều đặn hàng năm. Ngoài ra, người dân địa phương và các vùng khác cũng thường xuyên thăm viếng, tưởng niệm các chiến sĩ đã hy sinh tại hai di tích này. Trong cuộc sống hàng ngày cũng như trong nhiều hoạt động văn hóa, bộ đội và nhân dân nơi đây luôn kể về câu chuyện của những người lính Đoàn tàu Không số hy sinh tại sự kiện Vũng Rô và Hòn Hèo như những người anh hùng của biển thời chống Mỹ.

Sự kiện Gạc Ma (quần đảo Trường Sa) ngày 14/3/1988 tiếp nối nỗi đau mất mát, tiếp nối niềm tin về những linh hồn chiến sĩ hy sinh vì sự nghiệp bảo vệ chủ quyền biển đảo. Các chiến sĩ hải quân nhân dân Việt

Nam, những người con của biển, lại viết tiếp câu chuyện về văn hóa biển của người Việt - văn hóa bảo vệ bờ cõi trên biển. Trong sự kiện này, 64 chiến sĩ hải quân Việt Nam đã anh dũng hy sinh, gửi lại thân mình nơi biển cả để bảo vệ chủ quyền biển, chủ quyền quần đảo Trường Sa. Niềm tin về những linh hồn bất tử của những người lính Gạc Ma đã làm nên khúc tráng ca giữ biển đảo Việt Nam thời kỳ hiện đại.

Câu chuyện về 64 chiến sĩ Gạc Ma được kể đi kể lại cùng với lòng biết ơn, sự xót thương của cả dân tộc và niềm tin về sự hiển linh của họ trên vùng biển này đang ngày càng dày dặn, trở nên một hình thức tín ngưỡng mới nằm trong dòng chảy chung của tín ngưỡng về những người lính đã hy sinh để bảo vệ chủ quyền dân tộc. Những ngư dân hàng ngày khai thác trên ngư trường này, những người dân đang sinh sống trên quần đảo Trường Sa, những người lính đang làm nhiệm vụ giữ biển, giữ đảo luôn tâm niệm về sự che chở của linh hồn những người lính Gạc Ma đã hy sinh năm 1988 cho sự bình yên của họ. Vì vậy, tất cả các chuyến đi về trên biển, khi đi qua vùng biển Gạc Ma, bộ đội và nhân dân đều làm lễ tưởng niệm những người lính đã hy sinh, mong các anh phù hộ cho chuyến đi được bình an, may mắn. Cái tên Gạc Ma cùng với những người lính hy sinh trở thành khúc tráng ca đã đi vào lịch sử, chạm vào tầng sâu nhất trong trái tim Việt. Việc thắp hương, thả hoa, bánh trái cùng những con hạc giấy... trên vùng biển này trở thành một lễ nghi không thể thiếu đối với những người đi biển. Câu chuyện về những cơn mưa nhỏ ở những vùng biển này sau mỗi lần tưởng niệm như báo hiệu sự hiển linh của những linh hồn liệt sĩ bất tử, như tâm niệm về một tín ngưỡng gắn liền với biển đảo đang ngày một dày dặn, đậm nét.

Trên đảo Sinh Tôn, hòn đảo nổi cách đảo chìm Gạc Ma khoảng 12 hải lý, có một ngôi chùa mang tên đảo. Phía bên trái ngôi chùa có dựng bia ghi danh 64 liệt sĩ tại sự kiện Gạc Ma. Tấm bia được làm bằng đá granit màu đen, phía trên bia có ghi dòng chữ: “Phương danh anh linh 64 liệt sĩ hi sinh tại đảo Gạc Ma ngày 14/3/1988”, phía dưới là tên tuổi, quê quán của 64 liệt sĩ. Hàng ngày, bộ đội, những người dân đang sống trên đảo và các đoàn công tác từ đất liền ra đều dâng hương tưởng nhớ, cầu cho linh hồn của những người lính đã hy sinh được siêu thoát. Ngày giỗ của 64 chiến sĩ được nhà chùa và quân, dân trên đảo tổ chức đều đặn vào đúng ngày 14/3 hàng năm với 64 ngọn nến được thắp sáng và năm món chay do cư dân trên đảo chuẩn bị, nấu nướng và dâng cúng. Những câu thơ trong bài *Khúc ru tình biển cả*, của tác giả Hiền Mặc Chất được Đại đức Thích Minh Huy đọc đi đọc lại nhiều lần để tặng cho những người ghé thăm chùa và thắp hương tưởng niệm những chiến sĩ đã bỏ mình ở vùng biển này vì chủ quyền dân tộc, làm không ít người rơi nước mắt:

“...*Vượt qua bão tố, nhớ lời ru ngọt ngào*

Nước mắt đừng rơi nữa, biển đã mặn lắm rồi

Tiếng chuông chùa phỏ độ, ám Trường Sa trùng khơi

Tình tâm nơi bão tố, an cư bao lớp người...”

Công trình *Tượng đài chiến sĩ Gạc Ma* trong khuôn viên *Công viên Biển Đông* tại bán đảo Cam Ranh là nơi để những người đang sống tưởng nhớ, tri ân những anh hùng liệt sĩ đã hy sinh để bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc, là nơi thay thế mộ phần của các anh, là nơi mà mỗi người dân Việt Nam gửi gắm ước nguyện của mình

về sự bình yên và toàn vẹn lãnh thổ đất nước.

Khu tượng đài, bảo tàng và công viên có kiến trúc chủ đạo là hình tượng đảo chìm Len Dao và đảo Cô Lin, lấy tượng đài chiến sĩ Gạc Ma làm trung tâm. Khu bảo tàng là nơi trưng bày các hiện vật, tượng 64 chiến sĩ hải quân hi sinh ở Gạc Ma.v.v. Tượng đài có tên *Những người nằm lại phía chân trời* được xem là “trái tim” của khu tưởng niệm. Tượng đài cách điệu hình ảnh tám chiến sĩ Gạc Ma hi sinh, được bố cục một cách tự nhiên để nhấn mạnh và làm nổi bật chiến sĩ ôm chặt lá cờ giữa biển cả mênh mông đầy sóng gió, thể hiện sự đồng tâm hiệp lực, quyết một lòng bảo vệ lãnh thổ Tổ quốc. Đài tượng là một vòng tròn lớn, trên đó cách điệu sóng nước và những áng mây như cánh chim lạc vờ mang ý nghĩa mặt trời chân lý khẳng định việc bảo vệ Tổ quốc thiêng liêng là chính nghĩa và cao cả, vừa thể hiện sự thất chặt đoàn kết quyết tâm đồng lòng của các chiến sĩ cụm đảo Gạc Ma - Cô Lin - Len Dao trong chiến dịch bảo vệ chủ quyền năm 1988.

4. Kết luận

Không khó để nhận thấy tình cảm và lòng biết ơn sâu sắc về những người lính hy sinh trên vùng biển đảo Nam Trung Bộ là nét văn hóa tinh thần liên quan đến biển đặc sắc, độc đáo riêng của người Việt nơi này. Bởi đây là vùng biển đảo duy nhất ở Việt Nam có hai quần đảo xa bờ Hoàng Sa và Trường Sa. Quá trình người Việt dần thân tìm hiểu, khai thác, chiếm giữ và bảo vệ đảo là một quá trình dài đầy nguy nan, thử thách. Vì vậy, mất mát, hi sinh là điều không thể tránh khỏi. Từ đó, như một thành tựu đáng tự hào và cũng là nỗi đau sâu lắng nhất mà con người có được trong quá trình chinh phục và gìn giữ biển đảo để mưu sinh

và phát triển, là tình cảm và lòng biết ơn sâu sắc, trở thành một tín ngưỡng mới về những người đã ngã xuống vì bình yên biển đảo của Tổ quốc. Vì vậy, tín ngưỡng về những người lính đã hy sinh trong quá trình xác lập, thực thi và bảo vệ chủ quyền biển đảo như một nét văn hoá biển đậm nét, mang dấu ấn riêng trong đời sống văn hoá ở vùng biển đảo Nam Trung Bộ.

Từ truyền thống “uống nước nhớ nguồn”, từ gốc rễ của một đất nước bên bờ Biển Đông nhưng luôn gặp hoạ xâm lăng

từ biển/trên biển, từ tâm thức của những cư dân sống nhờ biển và một nền văn hoá đậm chất biển, tín ngưỡng này không những góp phần làm phong phú hơn đời sống văn hoá dân tộc, là môi trường cộng cảm gắn kết cộng đồng mà còn là cơ sở để khẳng định chủ quyền dân tộc trên hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và thềm lục địa thiêng liêng của Tổ quốc. Đây cũng chính là biểu tượng cho lòng yêu nước nồng nàn và ý thức sâu sắc về chủ quyền biển đảo Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Cục Chính trị Hải quân. (1996). *35 năm đường Hồ Chí Minh trên biển và thành lập lữ đoàn 125 Hải quân*. Hà Nội: NXB Quân đội Nhân dân.
- Cục Chính trị, Bộ Tư lệnh Hải quân. (2001) *Lịch sử Lữ đoàn 125 Hải quân*. Hà Nội: NXB Quân đội Nhân dân.
- Đặng Nghiêm Vạn. (2005). *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia.
- Nguyễn Đăng Vũ. (2016). *Văn hóa dân gian của cư dân ven biển Quảng Ngãi*. Hà Nội: NXB Văn hóa dân tộc.
- Nguyễn Đức Phương. (2011). Đường mòn Hồ Chí Minh trên biển, bản lĩnh, sự mưu trí, sáng tạo trong tác chiến của hải quân nhân dân Việt Nam. Tạp chí *Biển Việt Nam*, số 12.
- Ngô Đức Thịnh. (2001). *Tín ngưỡng và văn hoá tín ngưỡng ở Việt Nam*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
- Phan Hữu Dật. (1999). *Một số vấn đề về Dân tộc học Việt Nam*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia.
- Quốc Hội Nước CHXHCNVN. (2016). *Luật tín ngưỡng - Tôn giáo* (Luật số: 02/2016/QH14; Chủ Tịch Nguyễn Thị Kim Ngân, p. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/van-hoa-xa-hoi/Luat-tin-nguong-ton-giao-2016-322934.aspx>).
- Trần Ngọc Thêm. (2001). *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*. NXB Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày nhận bài: 18/5/2020

Biên tập xong: 15/6/2020

Duyệt đăng: 20/6/2020